**KHUNG RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH LỊCH SỬ 2006 VÀ PHÂN MÔN LỊCH SỬ TRONG CHƯƠNG TRÌNH LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ – LỚP 9 THCS**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CT LỊCH SỬ LỚP 9 2006** | **PHÂN MÔN LỊCH SỬ TRONG CT LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ LỚP 9 2018** | **CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, TÍCH HỢP TINH GIẢN NỘI DUNG CHO CT LỚP 9 2006** |
| 1. **PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI** | |  |
| **Nội dung 1** | |  |
| - Biết được tình hình Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 qua hai giai đoạn :  Tình hình Liên Xô; quá trình hình thành, phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu từ năm 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX :  *Liên Xô*  + Công cuộc khôi phục kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 − 1950).  + Những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội về kinh tế, khoa học − kĩ thuật, văn hoá giáo dục...  + Một số sai lầm lớn.  *Các nước Đông Âu*  + Thành lập nhà nước dân chủ nhân dân.  + Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và những thành tựu chính.  Những năm khủng hoảng dẫn đến sự tan rã của Liên Xô và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu (từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX).  - Biết đánh giá những thành tựu đã đạt được và một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.  - Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu. | **1. Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập.  - Trình bày được những thành tựu và chỉ ra được hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.  **2. Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991**  **Yêu cầu cần đạt:**  **-** Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.  - Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu.  **3. Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay. | HS tự học tình hình nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945  - Bổ sung các nội dung sau:  + Chỉ ra được hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.  + Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu.  + Nêu được tình hình chính trị, kinh tế ở Liên bang Nga từ 1991 đến 2000.  HS tự học:  - Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và những thành tựu chính của các nước Đông Âu từ 1945 - 1991.  - Những năm khủng hoảng dẫn đến sự tan rã và sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu (từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX). |
| **Nội dung 2** | |  |
| **2. Các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ năm 1945 đến nay**  **Mức độ cần đạt:**  − Biết được tình hình chung ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh về các vấn đề chủ yếu :  + Quá trình giành độc lập với các hình thức, mức độ khác nhau.  + Sự phát triển sau khi giành được độc lập.  + Sự hợp tác giữa các nước đang phát triển.  - Trung Quốc :  + Sự ra đời nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa - Ý nghĩa lịch sử.  + Những thành tựu trong 10 năm xây dựng chế độ mới (1949 – 1959), kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1953 – 1957).  + Trung Quốc trong thời kì biến động (1959 – 1978) : đường lối “Ba ngọn cờ hồng” và “Đại nhảy vọt”, “Đại cách mạng văn hoá vô sản “ ; hậu quả.  + Công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc từ cuối năm 1978 đến nay và ý nghĩa của nó.  - Các nước Đông Nam Á :  + Các nước Đông Nam Á từ sau năm 1945 lần lượt giành được độc lập.  + Sự ra đời và phát triển của ASEAN - từ “ASEAN 6” thành “ASEAN 10” (các nước thành viên).  - Các nước châu Phi : tình hình chung từ sau năm 1945 ; nước Cộng hoà Nam Phi và cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.  - Các nước Mĩ La-tinh : những nét chung về xây dựng và phát triển đất nước ; Cu Ba - sự thắng lợi của cách mạng dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội.  **2. Nhật Bản từ 1945 đến nay**  + Sự khôi phục và phát triển nhanh chóng về kinh tế của Nhật Bản. Chính sách đối nội, đối ngoại của Nhật Bản. | **1. Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Nêu được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945.  **2. Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Mô tả được đôi nét về các nước Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991.  - Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cuba và đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba.  **3. Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991.  - Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).  **4. Châu Á từ năm 1991 đến nay**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Giới thiệu được sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay.  - Mô tả được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN. | HS tự học những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945.  HS tự học: Những nét khái quát về Cộng hoà Nam Phi.  Bổ sung: Giới thiệu khái quát sự phát triển kinh tế, xã hội của Hàn Quốc từ 1991 - nay.  - Bổ sung:  + Trình bày được những nét chính về cộng đồng ASEAN từ 1991 đến nay. |
| **Nội dung 3** | |  |
| **3. Mĩ, Tây Âu từ năm 1945 đến nay**  **Mức độ cần đạt :**  - Nêu được những nét lớn về tình hình kinh tế, khoa học − kĩ thuật, văn hoá, chính trị, xã hội của Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu. Chú ý :  + Sự phát triển khoa học - kĩ thuật của Mĩ. Chính sách đối nội, đối ngoại của Mĩ sau chiến tranh.  - Sự liên kết khu vực ở châu Âu. | **1. Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Trình bày được những nét chính về: phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 – 1933; sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu.  - Nhận biết được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.  **2. Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991.  **3. Nước Mỹ từ năm 1991 đến nay**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. | Tinh giản (HS tự học): Tình hình Châu Âu và nước Mĩ từ 1918 - 1945  Bổ sung:  Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. |
| **Nội dung 4** | |  |
| **4. Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay**  Mức độ cần đạt:  - Biết những nội dung cơ bản của quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến năm 1991 : thời kì căng thẳng giữa hai phe, hai khối, đứng đầu là Mĩ và Liên Xô.  - Sự hình thành trật tự thế giới mới, nhiệm vụ, vai trò của Liên hợp quốc.  - Đặc điểm trong quan hệ quốc tế từ năm 1991 đến nay : hoà hoãn, đa cực, lấy kinh tế làm trọng điểm, xung đột khu vực (bốn xu thế phát triển). | **1. Chiến tranh lạnh (1947 – 1989)**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Nhận biết được nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh.  **2. Trật tự thế giới mới (từ 1991 đến nay)**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh. | HS tự học:  - Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.  - Liên hợp quốc |
| **Nội dung 5** | |  |
| **5. Cách mạng khoa học - kĩ thuật từ năm 1945 đến nay**  Biết những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học - kĩ thuật : máy tính điện tử ; vật liệu mới ; “cách mạng xanh” ; chinh phục vũ trụ...  - Đánh giá ý nghĩa, tác động tích cực và hậu quả tiêu cực của cách mạng khoa học - kĩ thuật : những tiến bộ về khoa học - kĩ thuật và hạn chế của việc áp dụng khoa học – kĩ thuật vào sản xuất. | **I. CÁCH MẠNG KHOA HỌC KĨ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học kĩ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam.  - Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá và đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam. | HS tự học: ý nghĩa, tác động tích cực và hậu quả tiêu cực của cách mạng khoa học - kĩ thuật.  Bổ sung:  Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá và đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam. |
| **II. PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM** | |  |
| **Nội dung 1** | |  |
| - Phong trào yêu nước và phong trào công nhân ở nước ta trong những năm 1919 – 1929.  - Các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài từ năm 1919 đến năm 1925, nêu được ý nghĩa và tác dụng của những hoạt động đó đối với phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta.  - Sự ra đời và hoạt động của ba tổ chức cộng sản : Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.  - Việt Nam Quốc dân đảng và cuộc khởi nghĩa Yên Bái. | **1. Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930.  **2.Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930.  - Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. | - Yêu cầu điều chỉnh:  + Khái quát các nội dung của phong trào dân tộc dân chủ 1918 – 1930.  + Đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.  HS tự học:  - Sự ra đời và hoạt động của ba tổ chức cộng sản : Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.  - Việt Nam Quốc dân đảng và cuộc khởi nghĩa Yên Bái.  - So sánh Cương lĩnh chính trị đầu tiên và Luận cương tháng 10 |
| **Nội dung 2** | |  |
| **2. Việt Nam trong những năm 1930 - 1939**  **Mức độ cần đạt:**  - Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam : thời gian, địa điểm, nội dung và ý nghĩa lịch sử.  - Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng.  - Phong trào cách mạng trong những năm 1930 – 1931. Trình bày đôi nét về Xô viết Nghệ - Tĩnh.  - Những diễn biến chính của phong trào dân chủ những năm 1936 - 1939 : Mặt trận Dân chủ Đông Dương, ý nghĩa. | **1. Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 – 1939**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 - 1931 và 1936 – 1939. | HS tự học:  -Lập bảng niên biểu các sự kiện chính của phong trào cách mạng trong những năm 1930 – 1931, 1936 - 1939.  - Lực lượng cách mạng phục hồi 1931 - 1935  - Ý nghĩa phong trào 1930 - 1931, 1936 - 1939 |
| **Nội dung 3** | |  |
| **3. Cuộc vận động tiến tới Cách mạng tháng Tám năm 1945**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Tình hình thế giới và Đông Dương trong năm 1939 – 1945 ; các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và binh biến Đô Lương : nguyên nhân bùng nổ, diễn biến chính, ý nghĩa.  - Tình cảnh nhân dân ta dưới hai tầng áp bức của Nhật - Pháp ; các chủ trương của Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5 - 1941 (chú ý việc đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu và vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc).  - Sự ra đời của Mặt trận Việt Minh và việc xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang trên khắp các vùng trong cả nước.  - Cao trào kháng Nhật, cứu nước : nét chính về diễn biến, khí thế cách mạng sôi nổi, rộng khắp trong cả nước, bước phát triển mới của lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, chính quyền cách mạng bắt đầu hình thành.  - Thời cơ khởi nghĩa và lệnh tổng khởi nghĩa.  - Cuộc tổng khởi nghĩa trong toàn quốc (diễn biến, đặc biệt chú ý khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn).  - Thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và ra bản Tuyên ngôn Độc lập.  - Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thành công của Cách mạng tháng Tám 1945. | **1. Cách mạng tháng Tám năm 1945**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật Bản.  - Nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước.  - Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.  - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. | HS tự học: Khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì, Binh biến Đô Lương  Bổ sung: Nhận biết thời cơ của Cách mạng tháng Tám 1945 |
| **Nội dung 4** | |  |
| **4. Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám đến toàn quốc kháng chiến (1945 - 1946)**  **Mức độ cần đạt:**  - Nhận rõ tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám 1945 : chính quyền dân chủ nhân dân ở trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, về thù trong giặc ngoài, những khó khăn do thiên tai, hậu quả của chế độ thuộc địa...  - Trình bày được những biện pháp giải quyết khó khăn trước mắt và phần nào chuẩn bị cho lâu dài : xây dựng nền móng của chính quyền nhân dân ; diệt giặc dốt, giặc đói và giặc ngoại xâm ; hoàn cảnh, ý nghĩa của việc kí Hiệp định Sơ bộ 6 - 3 - 1946 và Tạm ước 14 - 9 – 1946 ; ý nghĩa của những kết quả bước đầu đã đạt được. | **1. Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám.**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.  - Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ. | Bổ sung: Biết được tình hình Việt Nam sau CMT8 (thuận lợi, khó khăn)  Bổ sung: Biết chủ trương, biện pháp của Đảng đối phó với Pháp và Tưởng |
| **Nội dung 5** | |  |
| **5. Việt Nam từ cuối năm 1946 đến năm 1954**  **Mức độ cần đạt:**  Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950)  - Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Đường lối kháng chiến.  - Cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân Thủ đô Hà Nội và các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16 trong những ngày đầu kháng chiến toàn quốc ; đôi nét về diễn biến và ý nghĩa.  - Các biện pháp chính của Chính phủ chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.  - Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 : âm mưu của thực dân Pháp khi tấn công lên Việt Bắc và cuộc chiến đấu của quân dân ta : tóm tắt diễn biến, kết quả, ý nghĩa.  - Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến từ năm 1948 đến năm 1953 : đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện. Chiến dịch Biên giới thu − đông 1950. Chủ động mở nhiều chiến dịch đánh địch 1951 – 1952 (chiến dịch Hoà Bình - Tây Bắc).  - Những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về mọi mặt từ năm 1951 đến năm 1953 ; ý nghĩa của những sự kiện đó.  - Đặt quan hệ ngoại giao với các nước.  - Đôi nét về Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2 − 1951).  - Cuộc tiến công chiến lược Đông − Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ.  + Âm mưu, thủ đoạn mới của thực dân Pháp và can thiệp Mĩ với kế hoạch Na-va nhằm giành lại thế chủ động, “kết thúc chiến tranh trong danh dự” và tính chất nguy hiểm của kế hoạch này đã gây cho ta không ít khó khăn mới.  + Tác động và ảnh hưởng của việc xây dựng hậu phương vững mạnh.  + Chiến lược của ta nhằm chủ động từng bước phá vỡ kế hoạch Na-va, chiến cuộc Đông − Xuân 1953 - 1954.  + Diễn biến chính của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ. Ý nghĩa thắng lợi.  - Những nét chính về quá trình đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 và tác động của chiến thắng Điện Biên Phủ ; giới thiệu ngắn gọn nội dung cơ bản của Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương.  − Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 − 1954) | **1. Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1954**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946).  - Nhận biết và giải thích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng.  - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao,... trong kháng chiến chống thực dân Pháp.  - Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954). | HS tự học:  + Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.  + Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16  HS tự tìm hiểu hoàn cảnh, diễn biến Hội nghị Giơ-ne-vơ.  Bổ sung: Nêu nội dung cơ bản của Hiệp định Gio-ne-vơ |
| **Nội dung 6** | |  |
| **6. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975**  Mức độ cần đạt:  - Nắm được những điểm chính về tình hình nước ta sau năm 1954.  - Nắm được những thành tựu chính của nhân dân miền Bắc : hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất.  - Nắm được những sự kiện chính trong phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam (1954 - 1960) : chống “tố cộng”, “diệt cộng”, đòi tự do, dân chủ, dân sinh ; hoàn cảnh nổ ra, diễn biến và ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” (1959 - 1960).  - Nắm được hoàn cảnh, nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960).  - Những thành tựu chính về chính trị, kinh tế, văn hoá của nhân dân miền Bắc trong kế hoạch 5 năm (1961 - 1965).  - Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ (1961 − 1965), âm mưu của Mĩ ; trận Ấp Bắc. Cuộc đấu tranh chính trị trong các thành phố ; sự phá sản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.  - Nắm được những nét chính của cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hoá chiến tranh” và “Đông Dương hoá chiến tranh” của Mĩ : sơ lược âm mưu của đế quốc Mĩ ; chiến thắng Vạn Tường ; cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968), cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và ý nghĩa của các chiến thắng đó.  - Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa sản xuất và chi viện cho miền Nam : chuyển từ sản xuất trong thời bình sang thời chiến, chống chiến tranh phá hoại, thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn.  - Nắm được những điểm chính của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.  - Nắm được những điểm chính của tình hình nước ta sau khi kí Hiệp định Pa-ri : Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế − văn hoá, chi viện đắc lực cho miền Nam ; miền Nam đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Pa-ri (1973 - 1975).  - Nắm được những mốc chính của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 và chiến dịch Hồ Chí Minh : kế hoạch và quyết tâm giải phóng miền Nam, các chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh hoàn toàn giải phóng miền Nam. Bước đầu phân tích được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. | **1. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho cách mạng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ,...).  - Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1975 (phong trào Đồng khởi; đánh bại các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...).  - Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. | - Nội dung “Khôi phục và phát triển kinh tế” trong CT cũ thuộc phần giảm tải.  - CT mới có nội dung này.  Bổ sung: Biết được những điểm chính về tình hình nước ta sau năm 1954.  Bổ sung:  + Biết được những sự kiện chính trong phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam (1954 - 1960) : chống “tố cộng”, “diệt cộng”, đòi tự do, dân chủ, dân sinh.  +Nắm được hoàn cảnh, nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960).  +Những thành tựu chính về chính trị, kinh tế, văn hoá của nhân dân miền Bắc trong kế hoạch 5 năm (1961 - 1965).  + Nắm được những điểm chính của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.  - Nắm được những điểm chính của tình hình nước ta sau khi kí Hiệp định Pa-ri |
| **Nội dung 7** | |  |
| **7. Việt Nam từ năm 1975 đến nay**  **Mức độ cần đạt:**  − Nêu được tình hình hai miền Bắc − Nam sau đại thắng mùa Xuân 1975.  - Ý nghĩa của cuộc tổng tuyển cử ngày 25 - 4 - 1976.  - Trình bày được nội dung cơ bản kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI (cuối tháng 6 đầu 7 - 1976) : thành lập nước CHXHCN Việt Nam, cử chính phủ thống nhất trong cả nước, đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh.  - Nắm được nội dung cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12 - 1976) :  + Chỉ ra nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là cả nước tiến hành cách mạng XHCN.  + Quyết định về đường lối cách mạng XHCN.  + Về nhiệm vụ của hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 − 1985).  + Về việc đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam.  + Nêu được những thành tựu bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.  - Trình bày cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây − Nam và biên giới phía Bắc ; ý nghĩa của nó.  - Công cuộc đổi mới đất nước, thành tựu ban đầu, việc mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới và trong khu vực (là thành viên của tổ chức ASEAN...). | **1. Việt Nam trong những năm 1976 – 1991**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo.  - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985.  - Mô tả được đường lối Đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 – 1991.  - Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối Đổi mới.  **2. Khái lược công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay**  **3. Thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay**  **Yêu cầu cần đạt:**  - Chỉ ra được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh,…) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay. | - CT mới: kéo dài đến năm 2000.  Bổ sung:  + Biết được nội dung cơ bản kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI (cuối tháng 6 đầu 7 - 1976)  + Nắm được nội dung cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12 - 1976 |
| **Nội dung 8**  **CHUYÊN ĐỀ CHUNG TRONG MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ** | |  |
|  | **Chuyên đề 1:** ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI (2)  - Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực.  - Mô tả được quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp.  - Nêu được tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội. | - CT cũ không có |
|  | **Chuyên đề 2:** VĂN MINH CHÂU THỔ SÔNG HỒNG VÀ SÔNG CỬU LONG (2)  - Trình bày được những nét đặc sắc về văn hoá ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long thông qua việc tìm hiểu về văn minh các dòng sông  - Phân tích được những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở hai vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.  - Nêu được tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.  - Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu liên quan đến vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại. |  |
|  | **Chuyên đề 3:** BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG (2)  - Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam  - Nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.  - Có hành động cụ thể thể hiện trách nhiệm đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. |  |